

# VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG TỪ MỘT SỐ HỌC THUYẾT KINH TẾ CẬN, HIỆN ĐẠI VÀ VẬN DỤNG VÀO VIỆT NAM

*TS. Phạm Thị Hồng Điệp*

## **Đặt vấn đề**

Nhìn suốt chiều dài lịch sử học thuyết kinh tế, có thể thấy rằng mỗi trường phái kinh tế đều có những đặc điểm lý luận riêng, được quy định bởi phương pháp luận và bị chi phối bởi hoàn cảnh lịch sử kinh tế cụ thể. Tuy nhiên, xét ở góc độ quan niệm về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường thì lịch sử học thuyết kinh tế kể từ thời kỳ manh nha phát triển của CNTB đến nay là sự tranh luận giữa một bên đề cao vai trò của thị trường và một bên đề cao vai trò của nhà nước.

Các đại biểu Cổ điển không phủ nhận sự tồn tại khách quan của nhà nước trong nền kinh tế thị trường, họ chỉ chống lại sự can thiệp sâu, cứng nhắc, quá mức của nhà nước (sản phẩm của tư tưởng Trọng thương). Theo A.Smith<sup>1</sup>, nhà nước chỉ cần thực hiện được 3 chức năng cơ bản: bảo đảm môi trường hoà bình, không để xảy ra nội chiến, ngoại xâm; tạo ra môi trường thể chế cho phát triển kinh tế thông qua hệ thống pháp luật; và cung cấp hàng hoá công cộng. Ngoài ba chức năng cơ bản đó, tất cả các vấn đề còn lại đều có thể được giải quyết một cách ổn thoả và nhịp nhàng bởi “bàn tay vô hình.” Tư tưởng về “bàn tay vô hình” đã thống trị trong các học thuyết kinh tế phương Tây đến đầu thế kỷ XX trong các trào lưu của học thuyết Tân cổ điển.

Tuy nhiên, trước diễn biến và hậu quả của cuộc Đại suy thoái 1929 - 1933, những câu hỏi và nghi ngờ về vai trò của “bàn tay vô hình,” về khả năng có tính vô hạn trong việc tự điều tiết của các quan hệ thị trường đã nảy sinh. Keynes<sup>2</sup> cho rằng, cần phải tổ chức lại toàn bộ hệ thống kinh tế TBCN theo nguyên tắc lý thuyết mới. Chính ông đã làm một cuộc cách mạng về lý thuyết kinh tế trong đó nhấn mạnh vai trò của “bàn tay hữu hình” điều tiết nền kinh tế. Từ những nguyên lý gốc của Keynes, giữa thế kỷ XX trở đi đã xuất hiện trường phái Keynes và khuynh hướng “Hậu Keynes.”

Cũng trong quá trình tìm kiếm lý thuyết kinh tế làm cơ sở cho các chính sách kinh tế hiện đại, trước những cuộc suy thoái mới xảy ra trong thế giới tư bản mặc dù đã áp dụng mạnh mẽ những giải pháp do Keynes và trường phái Keynes đề xuất, một trào lưu phục hồi tư tưởng tự do kinh tế xuất hiện. Đó là Chủ nghĩa tự do mới.

Bài viết này góp phần hệ thống hóa quan niệm về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở một số học thuyết kinh tế từ đầu thế kỷ XX đến nay, chỉ ra tính quy luật của sự biến đổi các quan niệm về vai trò của nhà nước đối với kinh tế thị trường và nguyên lý cân bằng, hài hoà trong việc giải quyết mối quan hệ giữa thị trường và nhà nước trong vận hành nền kinh tế thị trường, từ đó đề xuất một số khuyến nghị về giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường trong sự phát triển kinh tế Việt Nam hiện nay.

---

<sup>1</sup> Adam Smith (1723-1790) nhà kinh tế chính trị cổ điển Anh, được coi là người sáng lập ra khoa học kinh tế chính trị.

<sup>2</sup> John Maynard Keynes (1884 - 1946) Nhà kinh tế học nổi tiếng người Anh với tác phẩm: “Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ” xuất bản năm 1936.

## **Quan niệm về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở một số học thuyết kinh tế cận, hiện đại**

### *Cách nhìn của trường phái Tân cổ điển*

Cũng giống như các nhà kinh tế Cổ điển, trường phái Tân cổ điển không xem xét vai trò của nhà nước một cách biệt lập mà đặt nó trong một hệ thống lý thuyết chung. Họ đưa ra một quan niệm tổng quát về nền kinh tế thị trường để từ đó đánh giá vai trò của nhà nước, phân biệt rõ chỗ nào để thị trường hoạt động, chỗ nào cần nhà nước can thiệp.

Theo phái Tân cổ điển, nền kinh tế thị trường là một hệ thống mang tính ổn định, mà sự ổn định bên trong là thuộc tính vốn có chứ không phải là kết quả sự sắp đặt của nhà nước. Khả năng đó được quyết định bởi một cơ chế đặc biệt - “cơ chế cạnh tranh tự do.” Cạnh tranh tự do thường xuyên bảo đảm sự cân bằng chung của nền kinh tế. Chính cơ chế này cho phép phân bổ các nguồn lực một cách hợp lý, tận dụng triệt để mọi nguồn lực và dẫn đến quan hệ phân phối mang tính công bằng giữa các bộ phận xã hội. Công bằng ở đây theo nghĩa, những bộ phận nào có khả năng thích ứng tốt nhất với những diễn biến và những nhu cầu thị trường thì sẽ có thu nhập và thu nhập chính đáng. Nếu như trên thực tế xảy ra những hiện tượng không bình thường thì phải tìm nguyên nhân của những hiện tượng đó từ chính sách can thiệp của nhà nước.

Theo quan niệm phổ biến của phái Tân cổ điển, để lựa chọn được cách can thiệp hợp lý, nhà nước phải hiểu được cấu trúc của nền kinh tế thị trường, cơ chế vận hành của nó và tôn trọng những quy luật khách quan liên quan đến cung - cầu. Muốn xác định chính xác ngưỡng can thiệp thì phải hiểu những nhân tố ảnh hưởng tới cung - cầu và những điều kiện cho sự cân bằng cung và cầu. Cũng theo các nhà kinh tế Tân cổ điển, cạnh tranh tự do không bao giờ nảy sinh một cách tự nhiên, nó chỉ xuất hiện và phát huy tác dụng khi được đảm bảo bởi nguyên tắc số một: sở hữu tư nhân. Đây là cơ sở để nền kinh tế thị trường thích ứng với mọi sự thay đổi của giá cả. Chính chế độ sở hữu tư nhân là nhân tố cơ bản làm cho nền kinh tế thị trường luôn khôi phục được sự cân bằng chung. Do vậy, khi nhà nước thu hẹp không gian kinh tế của khu vực tư nhân chắc chắn dẫn tới sự bất ổn. Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, quyền tự do kinh doanh của các nhà sản xuất và quyền tự do lựa chọn của người tiêu dùng là những lực lượng chế ngự, chi phối; chế độ tư hữu là cơ sở bảo đảm cho sự hòa hợp tự nhiên, do vậy không cần sự điều chỉnh nào của chính phủ hay các cơ quan điều tiết khác.

Với những quan niệm trên đây, trường phái Tân cổ điển khuyến nghị nhà nước nên dừng ở những chức năng chính là: 1- Duy trì ổn định chính trị; 2- Tạo môi trường pháp luật ổn định và chính sách thuế khóa hợp lý, khuyến khích người tiêu dùng; 3- Sử dụng hợp lý ngân sách quốc gia, hướng chỉ tiêu ngân sách cho mục tiêu phát triển kinh tế như đào tạo nhân lực, nghiên cứu cơ bản để đổi mới công nghệ, hỗ trợ cho những ngành sản xuất có triển vọng cạnh tranh cao trên thị trường thế giới... Ngoài những chức năng cơ bản đó, nhà nước không nên can thiệp gì thêm, hãy để cho giới kinh doanh và người tiêu dùng quyết định những vấn đề còn lại.

### *Quan niệm của Keynes và trường phái Keynes*

So sánh cách nhìn của Keynes và cách nhìn của Tân cổ điển, có thể thấy sự khác nhau căn bản trong quan niệm về vai trò của nhà nước. Nếu Tân cổ điển cho rằng nhà nước không nên điều tiết trực tiếp mà chỉ dừng lại ở chức năng tạo môi trường thì Keynes khẳng định, muốn thoát khỏi khủng hoảng, thất nghiệp và suy thoái, nhà nước phải trực tiếp điều tiết kinh tế. Cách thức điều tiết là thông qua những chương trình công cộng và dùng những chương trình này để can thiệp tích cực với hướng kích thích và duy trì tốc độ gia tăng ổn định của tổng cầu.

Khi tổng cầu tăng sẽ kích thích sức sản xuất, các doanh nghiệp hoạt động mở rộng sẽ thu nhận thêm nhân công, thất nghiệp được giải quyết và sản lượng quốc gia tăng lên. Để minh họa cho điểm này, Keynes đưa ra cách lập luận mới về đầu tư khác hẳn với trường phái Tân cổ điển. Theo các nhà kinh tế Tân cổ điển, mức đầu tư gắn chặt với lãi suất và nếu lãi suất thấp, quan hệ vay vốn được khuyến khích dẫn đến sự gia tăng quy mô đầu tư. Khi nền kinh tế bắt đầu rơi vào tình trạng suy thoái, lãi suất sẽ giảm và do đó dẫn đến mức đầu tư tăng lên. Trường phái Tân cổ điển cho rằng đây là quy luật tự điều tiết và chính quy luật đó giúp tạo khả năng ngăn chặn suy thoái. Ngược lại, theo Keynes, ở thời điểm suy thoái, ngay cả những nhà đầu tư mạo hiểm nhất cũng không dám đầu tư kể cả khi lãi suất thấp vì họ cho rằng bỏ vốn vào kinh doanh trong bối cảnh như vậy chắc chắn sẽ thua lỗ. Như vậy không có một cơ chế tự hành nào có thể thúc đẩy nền kinh tế tự bản đến khả năng sử dụng hết nguồn nhân lực và làm cho hoạt động đầu tư tăng lên một cách đều đặn. Do vậy, để ổn định nền kinh tế và thích ứng với biến động suy thoái thì giải pháp tất yếu và cần thiết là sự can thiệp của chính phủ.

Chính phủ có thể can thiệp vào nền kinh tế thông qua công cụ chính sách tài khóa, bao gồm thuế và chi tiêu ngân sách. Keynes nhấn mạnh vấn đề chi ngân sách và cho rằng chính phủ nên cung ứng những kích thích ban đầu bằng những chương trình kinh tế công cộng. Những chương trình kinh tế công cộng đó, một mặt tạo ra việc làm, mặt khác dẫn đến tăng cầu về tư liệu sản xuất. Nó còn có thể dẫn đến sự xuất hiện của những hình thức hoạt động dịch vụ thu hút khối lượng lao động lớn, làm tăng hơn nữa số lượng việc làm. Nhu cầu tiêu dùng của cá nhân có khả năng thanh toán tăng tạo lực đẩy kích thích khu vực kinh tế tư nhân phát triển, khôi phục niềm tin kinh doanh. Cách thức can thiệp của chính phủ như vậy sẽ dẫn đến hiệu ứng số nhân cho nền kinh tế.

Theo một hướng khác, nhà nước có thể kích thích cầu đầu tư bằng cách tăng số cung về tiền tệ, hay là chấp nhận lạm phát “có kiểm soát.” Để làm tăng cung tiền tệ, chính phủ có thể tăng nguồn vốn cho vay, giảm lãi suất và do đó kích thích sự gia tăng của đầu tư. Sự gia tăng này cũng nhân bội sản lượng và thu nhập của nền kinh tế quốc dân. Theo Keynes, trong hai vấn nạn của nền kinh tế tư bản là lạm phát và thất nghiệp thì thất nghiệp nguy hiểm hơn nhiều lần so với lạm phát. Khi nền kinh tế đạt trạng thái cân bằng với mức sản lượng và việc làm cao hơn thì lạm phát tự động ngừng lại.

Để tác động đến tiêu dùng của dân cư, Keynes cho rằng sự điều tiết của chính phủ cũng rất quan trọng. Muốn kích thích nhu cầu tiêu dùng trước hết phải điều chỉnh chính sách thuế theo hướng giảm thuế thu nhập, kết hợp với các biện pháp kích thích đầu tư. Khi thuế giảm, thu nhập sẽ tăng nên tiêu dùng và tiết kiệm cũng tăng. Nếu đầu tư cùng tăng với tiết kiệm, kết quả tổng hợp lại là gia tăng mức tổng cầu, làm thu nhập quốc dân tăng.

Từ cách lập luận của Keynes có thể nhận định rằng, nền kinh tế thị trường không có khả năng tự điều tiết tuyệt đối và vô hạn. Do vậy, để thúc đẩy sự tăng trưởng đều đặn, nhà nước phải trực tiếp can thiệp và điều tiết. Keynes đề xuất phải tổ chức lại nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa theo một nguyên tắc gọi là: “Chủ nghĩa tư bản có điều chỉnh.”

Dựa trên cơ sở lý thuyết của Keynes, các nhà kinh tế học tiếp tục xây dựng thành trường phái Keynes. Trường phái này phát triển các lý thuyết Keynes trong điều kiện mới trên cơ sở thừa nhận các nguyên nhân của khủng hoảng, thất nghiệp, tác động của tiêu dùng, đầu tư tư nhân đến tổng cầu và tiếp tục ủng hộ sự can thiệp của nhà nước vào kinh tế thông qua các chính sách khuyến khích đầu tư, tiêu dùng. Trường phái Keynes đã phát triển việc phân tích nền kinh tế từ trạng thái tĩnh, ngắn hạn sang phân tích động, dài hạn; đưa ra các lý thuyết giao

động kinh tế và tăng trưởng kinh tế, cụ thể hóa các chính sách kinh tế và hoàn thiện cơ chế điều chỉnh nền kinh tế TBCN.

### *Quan điểm của Chủ nghĩa tự do mới*

Chủ nghĩa tự do mới là một trong những trào lưu tư tưởng kinh tế lớn xuất hiện từ những năm 1930 và phát triển cho tới nay. Lý luận kinh tế của chủ nghĩa tự do mới một mặt kế thừa quan điểm truyền thống của phái Cổ điển, đề cao tư tưởng tự do kinh tế, nhấn mạnh bản năng tự điều tiết của các quan hệ thị trường như một thuộc tính tự nhiên. Mặt khác, trường phái này lại muốn xây dựng một hệ thống lý thuyết mới nhằm điều tiết nền kinh tế thị trường hiện đại một cách có hiệu quả hơn trên cơ sở khai thác những luận điểm của các phái phi cổ điển. Theo Chủ nghĩa tự do mới, nền kinh tế thị trường hiện đại có khả năng tự điều tiết cao, do vậy sự can thiệp của chính phủ vào tiến trình hoạt động của thị trường là cần thiết nhưng cũng chỉ nên giới hạn theo phương châm “thị trường nhiều hơn, nhà nước can thiệp ít hơn.” Trào lưu Tự do mới xuất hiện ở nhiều nước tư bản với các tên gọi khác nhau, trong đó điển hình là các khuynh hướng ở Mỹ và ở Đức.

Lý thuyết tự do kinh tế ở Mỹ biểu hiện thành nhiều trào lưu cụ thể với những tên gọi khác nhau. Trong đó nổi bật là phái Trọng tiền, phái Trọng cung, và phái Kinh tế vĩ mô mong đợi hợp lý.

*Phái Trọng tiền* (còn gọi là phái Chicago) đứng đầu là Milton Friedman<sup>3</sup> đã cổ vũ nhiệt tình cho một nền kinh tế thị trường tự do không có sự can thiệp của chính phủ. Theo phái Trọng tiền, sự can thiệp của nhà nước thường phá vỡ những cân bằng tự nhiên của thị trường - do vậy có hại cho nền kinh tế... Milton Friedman chủ trương để cho nền kinh tế thị trường tự do điều tiết, nhà nước can thiệp chỉ làm xấu thêm tình hình của thị trường, vì nếu thị trường có khuyết tật thì bản thân nhà nước cũng có khuyết tật của nó. Một số đại biểu khác thì khẳng định trong nền kinh tế thị trường hiện đại, không thể bác bỏ nhà nước, nhưng họ đòi hỏi nhà nước phải điều tiết, điều chỉnh nền kinh tế theo những qui tắc có tính chuẩn mực đồng thời kiên quyết phản đối cách điều tiết theo kiểu tùy hứng của các chủ thể quản lý. Họ cho rằng, đó là một khuynh hướng khó tránh khỏi, vì theo kinh nghiệm, khi ban hành các quyết định quản lý, chính phủ thường thiên về lợi ích của bản thân mình hơn là lợi ích của dân chúng. Chính vì vậy cần xác lập một hệ thống nguyên tắc của chính sách và những nguyên tắc này phải mang tính khách quan, độc lập với ý muốn chủ quan tùy tiện của chính phủ. Trong hệ thống chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách cơ bản và quan trọng nhất chính là chính sách tiền tệ.

*Phái Trọng cung* thì cho rằng, nguyên nhân làm nền kinh tế Mỹ suy yếu cả ở trong nước và cả trên thị trường quốc tế những năm 1970 nằm ngay trong chính sách kinh tế của nhà nước Mỹ. M. Feldstein<sup>4</sup> khẳng định “...việc nhà nước sử dụng sai chính sách tiền tệ - tín dụng đã làm toàn bộ nền sản xuất bất ổn định và nạn lạm phát phát triển nhanh chóng.”<sup>5</sup> Các nhà Trọng cung phủ nhận tính hiệu quả của chính sách tài khóa và hiệu lực khuyếch đại vào sản lượng của “lý thuyết số nhân” của J.M. Keynes. Họ đề cao một chính sách kinh tế giảm bớt sự can thiệp trực tiếp của nhà nước bằng cách kết hợp giữa giảm thuế và bãi bỏ các qui định hạn chế gây cản trở cho sức cung. Hơn nữa, họ còn cho rằng nhà nước cần phải từ bỏ chính sách phân phối lại, vì “nhà nước càng ra tay can thiệp để chữa trị bệnh nghèo túng thì số người nghèo túng càng tăng lên.”

<sup>3</sup> Milton Friedman (1912 - 2006) Nhà kinh tế học Mỹ, được giải Nobel Kinh tế năm 1976.

<sup>4</sup> Chủ tịch hội đồng cố vấn kinh tế của tổng thống Mỹ R. Reagan.

<sup>5</sup> L. S. Economy in the transition period, Chicago University Press, 1980.

*Phái Kinh tế vĩ mô mong đợi hợp lý* cũng cho rằng, đa số chính sách của nhà nước ít có tính hiệu quả, hoặc chỉ đạt hiệu quả ở mức rất thấp. Xuất phát từ giả định trong nền kinh tế thị trường hiện đại, ứng xử kinh tế của mọi người đều dựa trên những dự liệu hợp lý, dân chúng có thể hiểu biết về tình trạng của nền kinh tế không kém gì nhà nước và các nhà kinh tế học chuyên nghiệp. Cùng với kinh nghiệm của mình, dân chúng có thể dự liệu một cách hợp lý những tình huống kinh tế có thể xảy ra trong tương lai gần, và từ đó sẽ điều chỉnh hoạt động kinh tế. Vì vậy, chính sách kinh tế của nhà nước chỉ có hiệu quả nhất định đối với mức sản lượng và việc làm khi sự điều chỉnh này gây ra sự bất ngờ đối với dân chúng, khiến cho dân chúng hiểu sai tình hình kinh tế. Tuy nhiên, hiệu quả của các chính sách điều tiết của chính phủ cũng chỉ là nhất thời vì trong điều kiện thiết chế tự do dân chủ được xác lập vững chắc, dân chúng hoàn toàn có thể chủ động trong việc tự điều chỉnh cách ứng xử, và cách gây bất ngờ của chính phủ ở những lần ra chính sách khác sẽ không có hiệu quả.

Tựu chung lại, các phái của chủ nghĩa tự do mới ở Mỹ về cơ bản đều cho rằng, chính sách can thiệp kinh tế của nhà nước có hại nhiều hơn có lợi và nên giảm thiểu sự can thiệp của nhà nước vào kinh tế.

Cũng là một khuynh hướng của chủ nghĩa tự do mới, ở Đức, khuynh hướng này có tên là Chủ nghĩa thị trường xã hội. Cách nhìn nhận của phái Kinh tế thị trường xã hội về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế có sự khác biệt so với các phái tự do mới của Mỹ. Trong nền kinh tế thị trường xã hội, các quá trình kinh tế - xã hội vận hành trên nguyên tắc cạnh tranh có hiệu quả và phát huy cao độ tính chủ động và sáng kiến của các cá nhân, do đó chính phủ chỉ can thiệp vào nơi nào cạnh tranh không có hiệu quả, ở nơi cần phải bảo vệ và thúc đẩy cạnh tranh có hiệu quả. Nền kinh tế thị trường xã hội đòi hỏi nhà nước phải mạnh. Song chỉ can thiệp với mức độ và tốc độ cần thiết và phải dựa trên hai nguyên tắc hỗ trợ và tương hợp. Nếu nguyên tắc hỗ trợ liên quan tới câu hỏi liệu nhà nước có nên can thiệp hay không, thì nguyên tắc tương hợp lại đề cập tới việc sự can thiệp đó nên được thực hiện như thế nào. Nguyên tắc hỗ trợ xác định chức năng của nhà nước phải khơi dậy và bảo vệ các nhân tố của thị trường, ổn định hệ thống tài chính - tiền tệ, duy trì chế độ sở hữu tư nhân và giữ gìn trật tự an ninh và công bằng xã hội. Nguyên tắc tương hợp làm cơ sở để nhà nước hoạch định các chính sách kinh tế phù hợp với sự vận động của các qui luật trong nền kinh tế thị trường đồng thời phải đảm bảo được các mục tiêu kinh tế - xã hội của mình, trong đó bao gồm các chính sách: toàn dụng nhân lực, tăng trưởng, chống chu kỳ, thương mại và chính sách đối với các ngành và các vùng lãnh thổ.

Như vậy, trong nền kinh tế thị trường xã hội, nhà nước phải đề ra những chính sách kinh tế tích cực, tức là nhà nước phải là người bảo vệ sở hữu tư nhân, phải có trách nhiệm không để cho các nguyên tắc cạnh tranh bị phá vỡ, phải đưa ra những khuôn khổ và qui tắc, "luật chơi" trong cạnh tranh, đồng thời với việc tạo lập những bộ máy kiểm soát thực hiện các luật chơi đó. Nhà nước có thể can thiệp tự do - thông qua các chính sách tín dụng, tiền tệ, thuế... nhưng không được can thiệp vào hoạt động kinh tế của bản thân các xí nghiệp, ngay cả những xí nghiệp nằm trong các tập đoàn, các tổ chức có tính chất độc quyền.

Mặt khác, nhà nước phải làm cho nền kinh tế thị trường càng ngày càng mang tính xã hội, làm dịu các mâu thuẫn xã hội thông qua phân phối lại thu nhập quốc dân. Theo hướng đó, hệ thống thuế của nhà nước là vô cùng quan trọng. Theo phái này, tiêu chí cơ bản nhất để đánh giá chính sách cũng như vai trò kinh tế của nhà nước và khu vực tư nhân trước sau vẫn là hiệu quả kinh tế. Cho nên khả năng giải quyết các vấn đề xã hội của nhà nước về căn bản phụ thuộc vào tính hiệu quả của nền kinh tế. Khu vực tư nhân là chỗ dựa để nhà nước có thể thực hiện những chính sách phúc lợi xã hội, đặc biệt là đối với những lĩnh vực quan trọng có liên

quan tới chất lượng của nguồn nhân lực, hay việc cung ứng những dịch vụ bảo hiểm, kể cả trách nhiệm của nhà nước trong việc giải quyết những rủi ro kinh tế, rủi ro xã hội, trong đó có cả trợ cấp đối với người thất nghiệp - theo hướng tăng tính xã hội của nền kinh tế.

Với các quan điểm nêu trên, những đại biểu của học thuyết nền kinh tế thị trường xã hội ở Đức đã đưa nhà nước lên tầm cao hơn hẳn chủ nghĩa tự do cũ. Trong mô hình nền kinh tế thị trường xã hội, về nguyên tắc, nguyên lý nhà nước tối thiểu vẫn có giá trị với việc duy trì hiệu năng và tạo ra những cân bằng xã hội bên ngoài nền kinh tế; trong nền kinh tế đó mọi hoạt động của nhà nước phải chịu sự kiểm soát của các công cụ pháp lý, đồng thời nhà nước phải đưa ra được các chính sách thống nhất, không đối đầu, không đi ngược lại thị trường nhưng có trách nhiệm sửa chữa được các sai lệch thị trường và đảm bảo không thay thế các sai lệch thị trường bằng các sai lệch của nhà nước.

### *Quan điểm của một số trào lưu kinh tế khác*

Ngoài các trường phái cơ bản đã phân tích ở trên, còn nhiều trào lưu kinh tế hiện đại cũng thể hiện quan điểm của mình về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Có thể kể đến Chủ nghĩa thể chế, trào lưu chính sau Keynes, kinh tế học Phái tả, Kinh tế chính trị cấp tiến...

*Chủ nghĩa thể chế* hình thành và phát triển phổ biến ở Mỹ giữa thế kỷ XX với ba khuynh hướng cơ bản: khuynh hướng tâm lý học - xã hội, khuynh hướng luật pháp - xã hội và khuynh hướng thống kê. Đây là trào lưu cho rằng động lực của sự phát triển xã hội là các thể chế. Thể chế là các thiết chế như gia đình, nhà nước, tổ chức độc quyền, nghiệp đoàn... hoặc có thể là thói quen, tập tục, truyền thống, luân lý, luật pháp... Trong lý luận kinh tế của mình, những người theo Chủ nghĩa thể chế phê phán tư tưởng tự do và cách tiếp cận nền kinh tế theo kiểu vi mô của Tân cổ điển, ủng hộ sự can thiệp của nhà nước trong quản lý nền sản xuất. Chẳng hạn, Wesley Mitchell<sup>6</sup> quan niệm rằng, sự tiến hóa của các thể chế, đặc biệt là thể chế nhà nước là động lực phát triển của xã hội hiện đại, sự can thiệp của thể chế nhà nước vào kinh tế là phương tiện tốt nhất để giải quyết những mâu thuẫn của CNTB. Họ đưa ra khẩu hiệu "kiểm tra về mặt xã hội," tuyên truyền cho việc tổ chức điều chỉnh nền kinh tế trong điều kiện của CNTB độc quyền nhà nước. Họ đặt ra vấn đề luật pháp cho quá trình quản lý nền sản xuất tư bản, phủ định tác động của cơ chế thiết lập tự động sự cân bằng trong nền kinh tế của học thuyết "kinh doanh tự do." Tự chung lại, chủ nghĩa thể chế đặt vấn đề cần có sự can thiệp của nhà nước vào đời sống kinh tế.

*Trào lưu chính sau Keynes* thể hiện sự dung hòa hai khuynh hướng: tuyệt đối hóa vai trò của Nhà nước mà xem nhẹ vai trò của cơ chế tự điều chỉnh của trường phái Keynes và khuynh hướng chỉ chấp nhận vai trò điều tiết kinh tế của nhà nước trong một phạm vi hạn chế của chủ nghĩa tự do mới. Đại biểu cho trào lưu này là P.A. Samuelson<sup>7</sup> với quan điểm về nền kinh tế hỗn hợp. Samuelson cho rằng, "điều hành một nền kinh tế không có chính phủ hoặc thị trường thì cũng như định võ tay bằng một bàn tay." [8] Để đảm bảo được ba tiêu chí cơ bản của nền kinh tế: hiệu quả, công bằng và ổn định, cách tốt nhất là phải áp dụng mô hình kinh tế hỗn hợp trong đó cơ chế thị trường xác định giá cả và sản lượng, nhất là đối với các lĩnh vực quan trọng, còn chính phủ điều tiết thị trường bằng những chương trình thuế, các hoạt động chi tiêu và luật lệ. Cả hai bên: chính phủ và thị trường đều có tính thiết yếu, nhưng phải xác định thật rõ ranh giới, ở đâu, lĩnh vực nào thì để thị trường điều tiết còn ở đâu, lĩnh vực nào

<sup>6</sup> Wesley Mitchell (1874 - 1948), nhà kinh tế Mỹ thuộc trường phái thể chế

<sup>7</sup> P. A. Samuelson (sinh năm 1915), nhà kinh tế Mỹ, được giải Nobel kinh tế năm 1970

thì chính phủ phải điều tiết. Tuy nhiên, trên thực tế, điều khó khăn nhất đối với điều hành kinh tế của các chính phủ là xác định được ranh giới này.

*Kinh tế học Phái tả* cũng là trường phái phê phán gay gắt các lý thuyết kinh tế của chủ nghĩa tự do mới. J.K. Galbraith<sup>8</sup>, một đại biểu điển hình của kinh tế học Phái tả cho rằng, sự phát triển của kinh tế thị trường dẫn đến nhiều tệ nạn như ô nhiễm môi trường, hư hỏng kết cấu kinh tế hạ tầng, phân hóa xã hội sâu sắc, lãng phí tài nguyên... Từ đó, kinh tế học Phái tả chủ trương dùng kế hoạch hóa thay thế thị trường để kinh doanh hàng hóa. Trong lý thuyết nổi tiếng của kinh tế học Phái tả về “xã hội công nghiệp mới,” họ khẳng định việc phát triển kỹ thuật tất yếu dẫn đến kế hoạch hóa. Kỹ thuật hiện đại cũng đòi hỏi tăng cường vai trò của nhà nước hiện đại, trong đó có vai trò kinh tế của nhà nước. Giữa nhà nước và hệ thống công nghiệp mới diễn ra mối quan hệ ràng buộc. Ranh giới giữa nhà nước với hãng tư nhân không tồn tại. Ranh giới đó trở nên rất khó phân biệt và thậm chí chỉ còn là sự quy ước. CNTB trở thành “xã hội công nghiệp,” xã hội đó về nguyên tắc khác hẳn so với CNTB trước đây.

*Xu hướng kinh tế chính trị học Cấp tiến* ở Mỹ những năm 1970 cũng phê phán tính chất vô chính phủ của thị trường, phê phán các chính sách kinh tế vĩ mô hiện đại. Họ chủ trương xây dựng chế độ tư hữu lớn và kế hoạch hóa dân chủ nền kinh tế. Kinh tế chính trị học Cấp tiến cho rằng, nhà nước tư sản có hai chức năng: một là, thực hiện tích lũy tư bản, duy trì nhịp độ ổn định tăng trưởng kinh tế; hai là, tạo ra sự bình đẳng cho mọi thành viên trong xã hội. Chức năng thứ nhất được thực hiện bằng việc nhà nước đầu tư “tư bản xã hội” vào các ngành thuộc lĩnh vực hạ tầng và khoa học công nghệ, giúp các công ty cổ phần nâng cao tỷ suất lợi nhuận và khối lượng lợi nhuận của mình. Chức năng thứ hai được thực hiện thông qua các “chi phí xã hội” như trợ cấp thất nghiệp, chi viện cho các quỹ bảo hiểm của các tổ chức công đoàn về ốm đau, thương tật và tuổi già... Để thực hiện được các chức năng này, phải kiểm soát tiền lương, giá cả, thực hiện chính sách thuế hợp lý, từ đó nhà nước đảm bảo được sự ổn định xã hội.

### ***Đánh giá quan niệm của các trường phái kinh tế trong lịch sử về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường***

Cho đến nay, mặc dù đã tồn tại nhiều dạng thức kinh tế thị trường khác nhau nhưng trên thực tế chưa bao giờ tồn tại kiểu kinh tế thị trường hoàn toàn không có nhà nước, thoát ly khỏi nhà nước như những người theo chủ nghĩa tự do cực đoan vẫn thường cố vũ. Đánh giá một cách khách quan, nhà nước luôn là một bộ phận hữu cơ nằm trong cấu trúc tổng thể của kinh tế thị trường. Sự tồn tại của nhà nước trong cấu trúc đó là một tất yếu kinh tế, tất yếu lịch sử, ở đó, nhà nước vừa có thể là một chủ thể sở hữu, bên cạnh những chủ thể sở hữu khác, đồng thời là một chủ thể quản lý. Sự khác biệt giữa các giai đoạn lịch sử và các quốc gia chỉ ở chỗ tính chất của nhà nước như thế nào, cách thức can thiệp, quản lý điều tiết và hệ quả của sự can thiệp này ra sao đối với nền kinh tế. Tất cả các trường phái kinh tế lớn trong lịch sử học thuyết kinh tế đều đề cập đến vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, cách tiếp cận và quan điểm lý thuyết cụ thể của mỗi trường phái là khác nhau, do những nhân tố khác nhau quy định. Những nhân tố này có thể là đặc điểm của kinh tế thị trường ở từng giai đoạn lịch sử, có thể là những biến cố kinh tế lớn trong từng giai đoạn, hoặc do sự khác biệt về động cơ lợi ích giai cấp đứng sau các quan điểm lý thuyết. Từ việc hệ thống hóa quan niệm của các trường phái về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường có thể thấy, không một cách

<sup>8</sup> J.K. Galbraith (1908 - 2006) nhà kinh tế học Phái tả của trường đại học Harvard.

tiếp cận nào mang tính vạn năng, có thể giải đáp được tất cả các tình huống khác nhau của nền kinh tế. Do vậy, tác động thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển kinh tế thị trường của mỗi cách tiếp cận đều có những giới hạn nhất định.

Nhìn sang mô hình nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở một số nước trên thế giới, có thể thấy sau thời kỳ “hoàng kim” của CNTB có điều tiết theo kiểu Keynes ở Anh, Pháp, Mỹ trong thập kỷ 50-70 của thế kỷ XX là sự “lên ngôi” của Chủ nghĩa tự do mới với mô hình kinh tế thị trường tự do kiểu Mỹ cho đến trước khủng hoảng kinh tế toàn cầu khởi phát từ Mỹ năm 2008. Cuộc khủng hoảng 2008 đến nay đã kiểm nghiệm lại cuộc đấu tranh giữa hai trường phái lý thuyết chủ yếu - trường phái Keynes đánh giá cao vai trò của điều tiết nhà nước và trường phái Tân Cổ điển, nhấn mạnh vai trò của cạnh tranh tự do và đề cao quyền lực của “bàn tay vô hình.” Dường như cuộc khủng hoảng lần này chứng tỏ tính đúng đắn của lý thuyết Keynes: nền kinh tế Mỹ bị sụp đổ do thả lỏng quá mức vai trò điều tiết của thị trường tự do, đồng thời việc khắc phục khủng hoảng bằng các gói kích cầu của nhà nước theo đúng đề xuất của Keynes thì mới đem lại hiệu quả. Cuộc khủng hoảng này đòi hỏi nhìn nhận lại nguyên lý cân bằng, hài hòa trong việc giải quyết mối quan hệ giữa thị trường và nhà nước trong vận hành nền kinh tế thị trường. Rõ ràng là nếu nhà nước bỏ mặc thị trường, để thị trường tự do chi phối thì nền kinh tế sớm muộn cũng sẽ lâm vào tình trạng bất ổn và khủng hoảng. Điều đó có tính quy luật và đã được chứng minh sinh động ở cuộc khủng hoảng vừa qua. Đây là một gợi ý cho việc hoạch định chiến lược và chính sách phát triển cho Việt Nam: không được buông lỏng vai trò và chức năng quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, nếu nhà nước can thiệp quá mức cũng gây ra những hậu quả to lớn. Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung ở các nước XHCN theo mô hình cũ là một bằng chứng. Nhiều nghiên cứu đã khẳng định rằng sai lầm trong chính sách và điều hành của chính phủ cũng gây hậu quả cho nền kinh tế to lớn không kém gì sai lầm do điều tiết thị trường tự phát gây ra. Như vậy vấn đề ở đây là liều lượng can thiệp nhà nước - thị trường thế nào là hợp lý. Lịch sử phát triển của kinh tế thị trường minh chứng rõ sự thay đổi của các lý thuyết kinh tế thống trị gắn với các chu kỳ của nền kinh tế TBCN: khi nền kinh tế bị khủng hoảng do vai trò điều tiết của nhà nước bị xem nhẹ, còn thị trường được “thả lỏng” thì lý thuyết Keynes được đề cao. Còn khi nền kinh tế trì trệ kéo dài do nhà nước can thiệp quá mức kìm hãm tính năng động của các lực lượng thị trường thì lúc đó, lý thuyết “bàn tay vô hình” và trường phái Tân cổ điển phục hồi trở lại và chiếm ưu thế. Thực ra, đây là một quá trình điều chỉnh để tái lập sự cân bằng chức năng nhà nước - thị trường trong việc điều hành nền kinh tế [5].

### **Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

Từ những lý thuyết kinh tế chính trên thế giới và các mô hình thực tiễn về vai trò của nhà nước trong kinh tế thị trường ở một số quốc gia, có thể kiểm nghiệm lại việc giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước với thị trường ở Việt Nam thời gian qua. Trải qua hơn 20 năm đổi mới, Việt Nam đã có những thành công bước đầu trong việc hình thành và hoàn thiện cơ chế thị trường, cũng như điều chỉnh vai trò tương ứng của nhà nước trong nền kinh tế. Trước hết, đó là sự thay đổi cơ bản quan niệm về chức năng của nhà nước trong nền kinh tế. Nếu Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII chỉ dừng lại ở mức độ xác định nhiệm vụ: “Bộ máy nhà nước từng bước chuyển sang chức năng quản lý nhà nước, khắc phục dần sự can thiệp vào điều hành kinh doanh...” thì đến Đại hội VIII, quan điểm này được cụ thể hóa hơn: “Nhà nước định hướng phát triển, trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực, thiết lập khuôn khổ pháp luật, xây dựng chính sách nhất quán, phân phối lại thu nhập, hạn chế tiêu cực của cơ chế thị trường.” Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX đã xác định rõ định hướng đổi mới chính sách căn bản là: “Tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của nhà nước đối với nền kinh tế. Đổi mới hơn



nữa công tác kế hoạch hóa, nâng cao công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.”[4] Nhà nước cũng đã bước đầu phát huy vai trò của mình trong việc sửa chữa những “khiếm khuyết của thị trường” thông qua các chính sách bảo trợ xã hội, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Tuy nhiên, những chuyển biến tích cực trong việc xác định lại vai trò kinh tế của nhà nước thời gian qua vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của thời kỳ phát triển mới. Nhiều thách thức mới nảy sinh như: chưa có sự phân định rõ vai trò “nhà nước là chủ thể quản lý kinh tế” và vai trò “nhà nước là một nhà đầu tư phát triển;” phương thức quản lý nhà nước về kinh tế còn nặng về can thiệp hành chính, còn mang tính ngắn hạn và bị động; nhà nước còn can thiệp quá sâu vào quá trình vận hành của kinh tế thị trường; năng lực bộ máy quản lý nhà nước còn hạn chế. Những thách thức trên cho thấy, việc xác định vai trò kinh tế của nhà nước là một quá trình khó khăn, phức tạp.

Nền kinh tế mới của thế giới đang định hình, đòi hỏi tư duy thích ứng về bàn tay quản lý của nhà nước trong khi thực hiện các nguyên tắc kinh tế thị trường, tránh các cực đoan, phiến diện trong nhận thức, tăng cường sự phối hợp đồng bộ các công cụ và cấp độ quản lý, giám sát chặt chẽ và chủ động xử trí kịp thời các tác động mặt trái của kinh tế thị trường. Do vậy, sự linh hoạt của nhà nước trong điều hành kinh tế, việc vận dụng “hai bàn tay” - cả vô hình lẫn hữu hình mới là yếu tố quan trọng thúc đẩy nền kinh tế thị trường phát triển.

Việc xác định rõ hơn vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam trong thời gian tới là cần thiết và cần chú ý một số điểm cơ bản sau đây:

*Một là*, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế. Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam phải thực hiện vai trò quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế, nghĩa là thực hiện tổng thể các tác động có tổ chức bằng quyền lực của nhà nước đến toàn bộ nền kinh tế quốc dân và các bộ phận cấu thành của nó, thông qua các công cụ kinh tế, pháp luật, hành chính. Để thực hiện tốt chức năng này, nhà nước cần tập trung vào ổn định kinh tế vĩ mô, tạo dựng một khuôn khổ thể chế và pháp lý hữu hiệu, đủ sức hỗ trợ sự phát triển mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực tư nhân và đẩy mạnh cạnh tranh. Bên cạnh đó, cần từng bước hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế. Đây cũng là một hướng quan trọng nhằm tạo dựng kết cấu hạ tầng thể chế kinh tế toàn diện, bao gồm: cải cách tổ chức bộ máy hành chính, thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức quản lý nhà nước. Đồng thời, phải coi kế hoạch hóa là công cụ quan trọng để nhà nước thực hiện chức năng quản lý kinh tế. Công tác kế hoạch hóa cần đổi mới theo hướng gắn với thị trường. Đổi mới tính chất, nội dung, phương pháp lập kế hoạch để các kế hoạch trở thành công cụ hữu hiệu chống lại sự “mất ổn định” vốn thường xảy ra trong kinh tế thị trường và trở thành công cụ bảo đảm định hướng phát triển dài hạn của đất nước.

*Hai là*, coi trọng đúng mức chức năng “làm kinh tế” của nhà nước. Mặc dù trong thời gian gần đây, nhà nước đã giảm mạnh sự can thiệp của mình vào lĩnh vực sản xuất và phân phối hàng hóa, dịch vụ song trên thực tế, sự tham gia của nhà nước vào kinh tế vẫn không chỉ dừng ở những lĩnh vực mà thị trường tỏ ra kém hiệu quả. Thực tế phát triển kinh tế của Việt Nam cho thấy vẫn cần có sự hiện diện của nhà nước trong nền kinh tế để phát huy mọi nguồn lực cho phát triển, để sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, vốn, tài sản thuộc sở hữu nhà nước. Tuy nhiên, để thực thi có hiệu quả chức năng này, nhà nước cần tìm ra những giải pháp thích hợp về kinh tế và xã hội đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước còn kém hiệu quả; thực hiện tốt việc hoạch định các chính sách kinh tế, trong đó cần xác định rõ thứ tự các hướng ưu tiên để tập trung hỗ trợ có hiệu quả về tài chính và các nguồn lực khan hiếm cho một số lĩnh vực kinh tế.

*Ba là*, thực hiện tốt chức năng của “nhà nước phúc lợi.” Với nhiệm vụ xây dựng kinh tế thị trường định hướng XHCN, bên cạnh việc chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường, Việt

Nam còn phải thực hiện mục tiêu định hướng XHCN và phát triển bền vững. Điều đó có nghĩa là, bên cạnh mục tiêu hiệu quả kinh tế (tốc độ tăng trưởng, GDP/người), các chỉ tiêu khác về mặt xã hội (phát triển văn hóa xã hội, giáo dục, y tế, việc làm, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo môi trường, môi sinh...) cũng cần được chú trọng kết hợp. Mục đích của sự kết hợp này là vừa đảm bảo để các chủ thể thị trường đạt được mục tiêu lợi nhuận cao, vừa tạo ra môi trường chính trị, xã hội ổn định hài hòa, làm nền tảng cho phát triển bền vững kinh tế. Cần làm rõ nhận thức rằng thị trường là điều kiện cần chứ không thể là điều kiện đủ cho một xã hội tự do, thịnh vượng, công bằng và ổn định. Vì thế, nhà nước không thể chỉ hạn chế phạm vi hoạt động của mình trong việc tôn trọng các quy luật và nguyên tắc của kinh tế thị trường mà còn phải có trách nhiệm xây dựng, bảo đảm thực thi có hiệu quả các chính sách cần thiết cho một xã hội phát triển công bằng, dân chủ, văn minh với một môi trường sống trong sạch, lành mạnh.

Như vậy, nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam cùng một lúc phải thực hiện nhiều vai trò khác nhau. Bên cạnh vai trò xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, tạo dựng và cải thiện môi trường kinh tế vĩ mô, môi trường kinh doanh, can thiệp vào nền kinh tế với mục tiêu sửa chữa những khuyết tật của thị trường, nhà nước còn phải thực hiện cả chức năng phát triển kinh doanh và bảo đảm xã hội cho người dân. Đây là những nhiệm vụ không dễ dàng, đòi hỏi nỗ lực cao từ phía nhà nước, người dân và các tác nhân khác trong nền kinh tế.

Trên cơ sở quan niệm lý thuyết về vai trò của nhà nước đối với kinh tế thị trường trong lịch sử học thuyết kinh tế và những mô hình thực tiễn về nhà nước trong nền kinh tế ở một số quốc gia, có thể thấy tương quan chức năng, vai trò của nhà nước và thị trường không phải là phạm trù bất biến mà luôn biến động. Việc nhà nước, thị trường, doanh nghiệp cần đảm nhiệm vai trò nào trong quá trình vận hành nền kinh tế phụ thuộc rất nhiều vào trình độ phát triển của chính nền kinh tế đó. Mối tương quan “động” này về chức năng chính là yếu tố làm cho mối quan hệ nhà nước - thị trường luôn là vấn đề được bàn luận sôi nổi trong lý thuyết và thực tiễn phát triển kinh tế thị trường.